CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xi măng Sài Sơn

Ngày 30/09/2025	3,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**2.7%**	**-2.6%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,200 - 4,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	220
Số lượng CPLH (CP)	57,839,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,260
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.80
EPS	232
P/E	16.4

DT thuần
Q3/25
275
tỷ VNĐ
QoQ: ▼8.00| -2.9%
YoY: ▼38.0| -12.2%

LN thuần
Q3/25
6.76
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.17| -24.3%
YoY: ▼0.31| -4.4%

LN sau thuế
Q3/25
6.25
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.81| 14.9%
YoY: ▲ 1.06| 20.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
6.3%
YoY: +/-▼ 0.4%

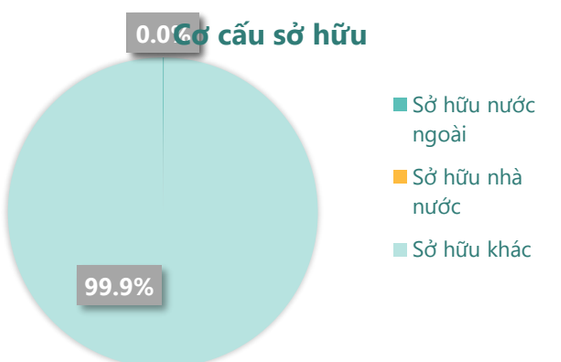
ROE (TTM)
Q3/25
1.9%
YoY: +/-▲ 0.1%

DT thuần
9T 2025
811
tỷ VNĐ
YoY: ▼92.0| -10.1%

LN thuần
9T 2025
14.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.50| 31.8%

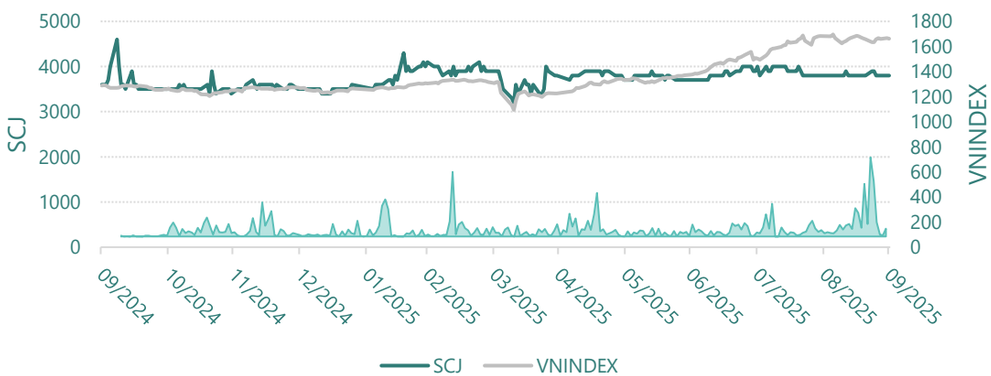
LN sau thuế
9T 2025
8.49
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.74| 9.7%

Cơ cấu sở hữu

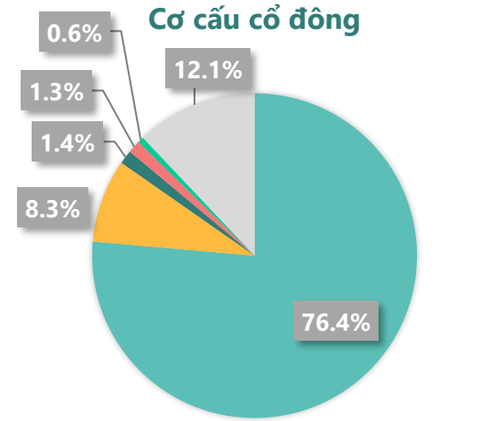


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

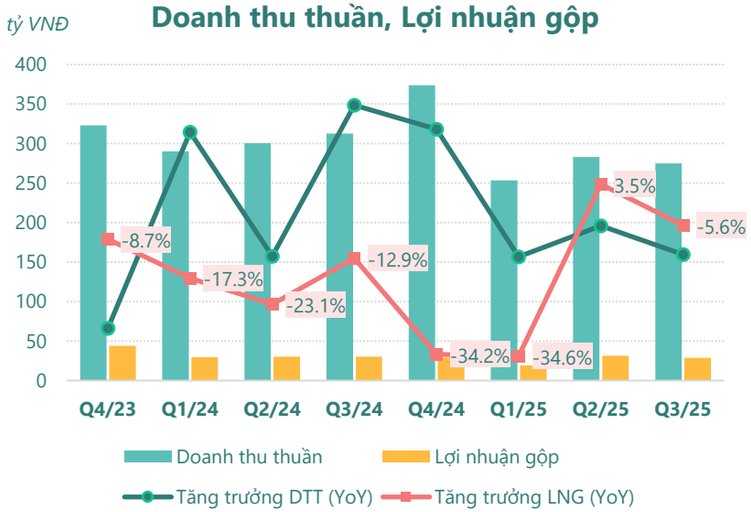


- Nguyễn Sỹ Tiệp (Chủ tịch HĐQT)
- CTCP Xi măng Hoàng Long
- Phạm Tiến Hiếu (Đại diện công bố thông tin)
- Hoàng Thị Long
- Nguyễn Mạnh Hùng
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

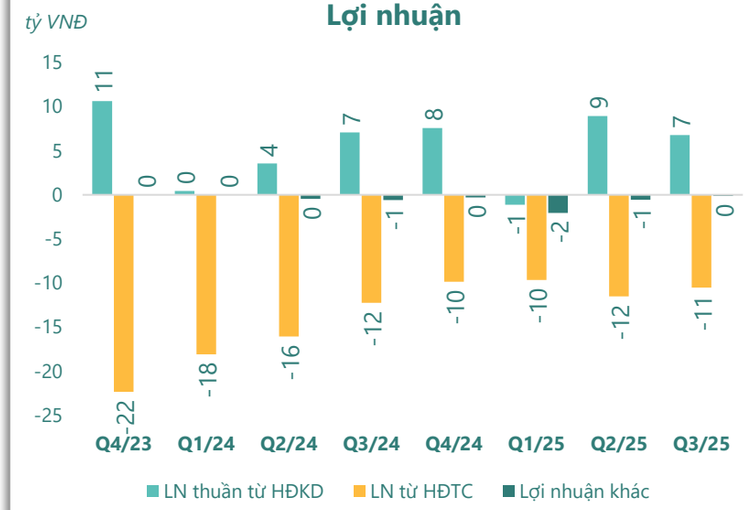
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



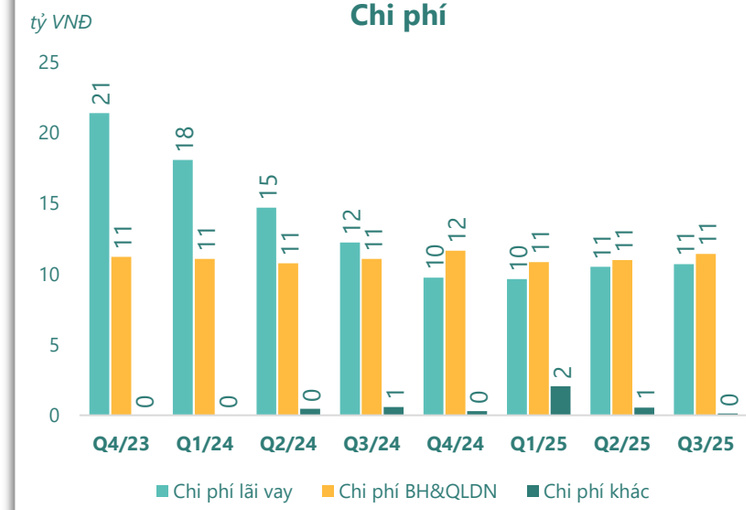
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



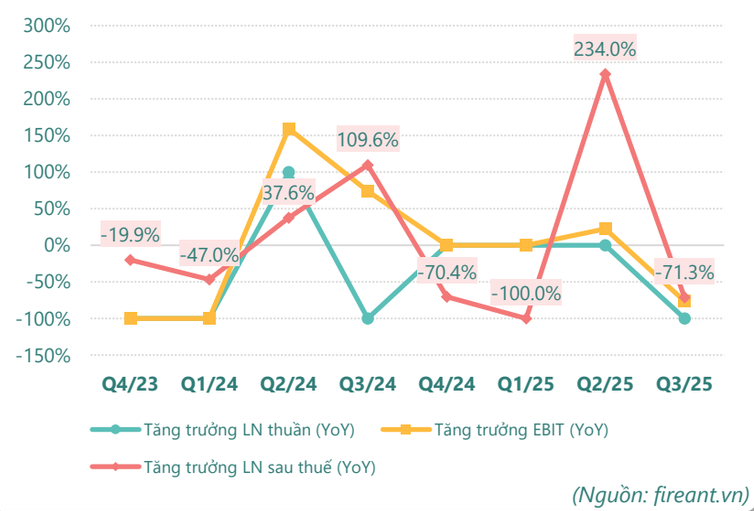
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



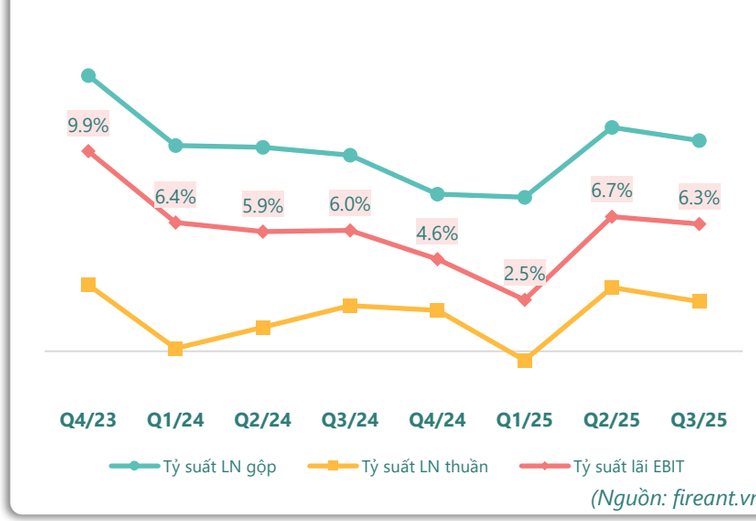
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



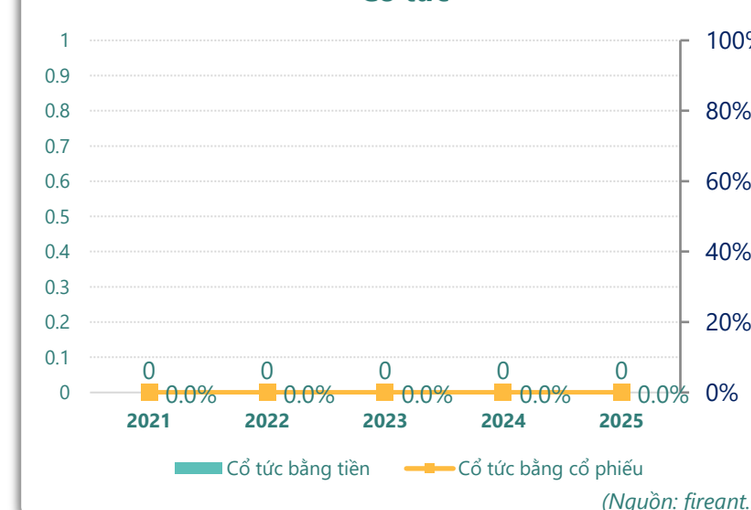
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

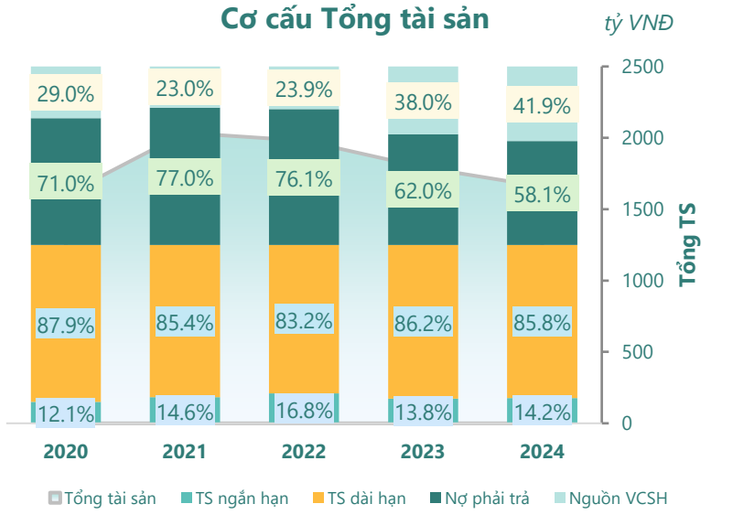
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

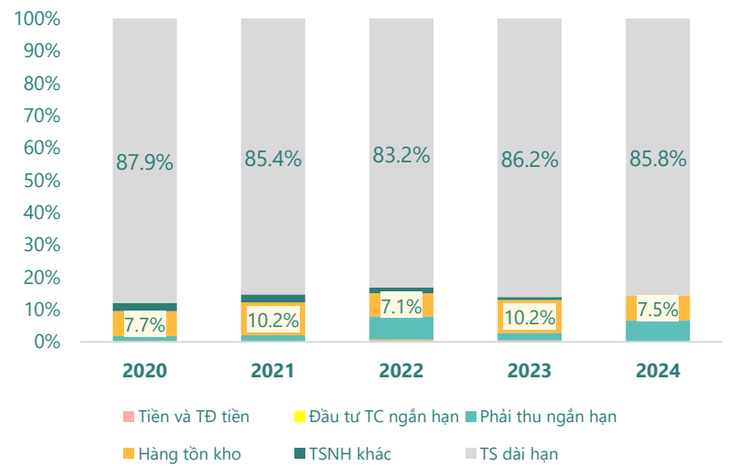
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



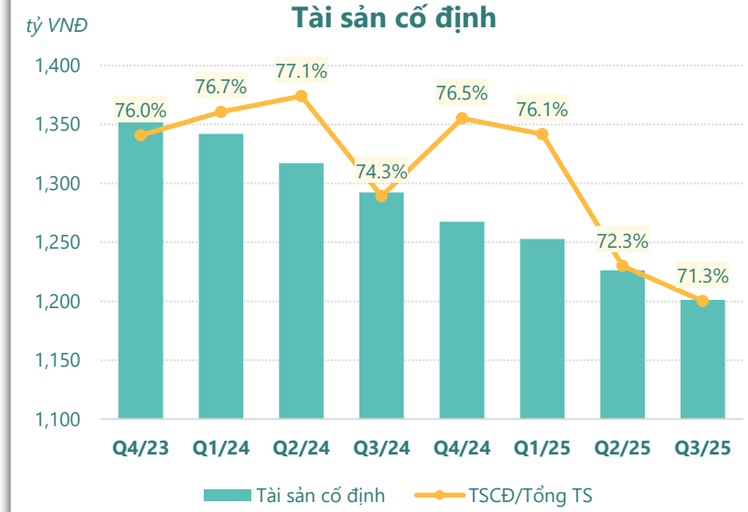
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



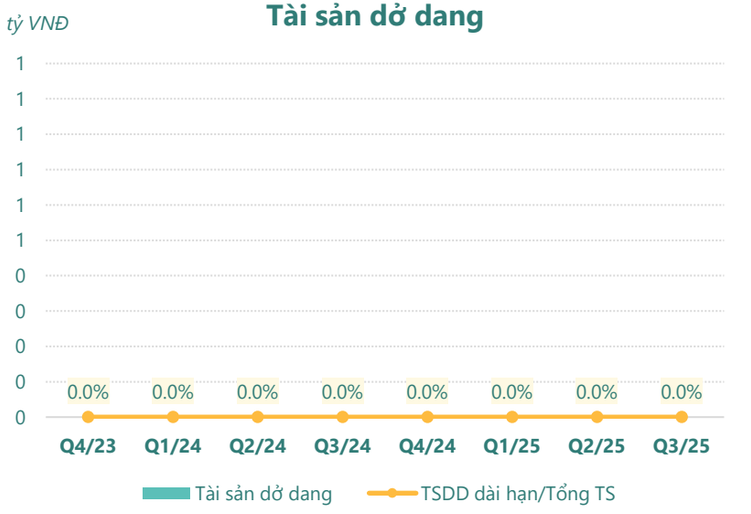
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



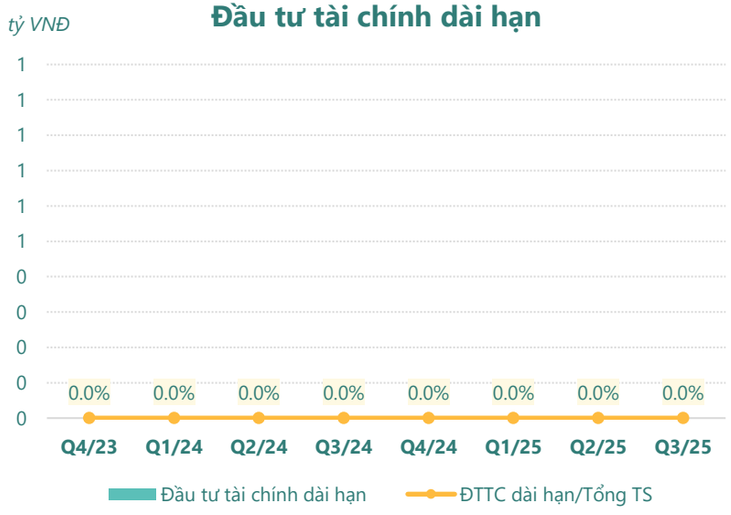
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



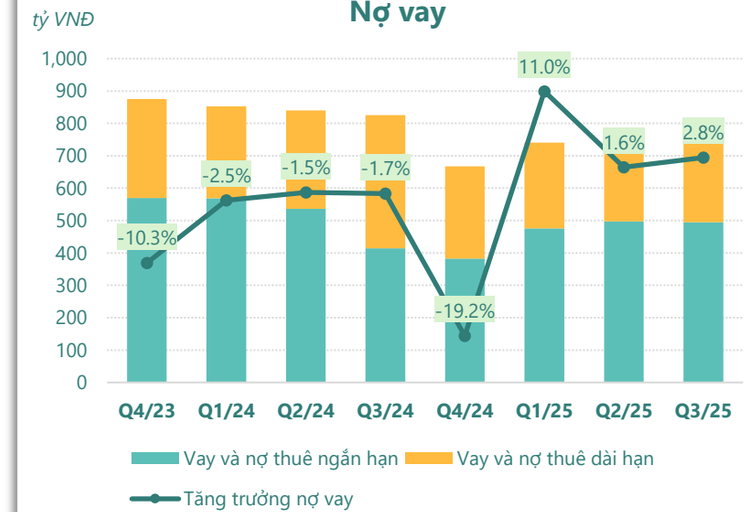
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

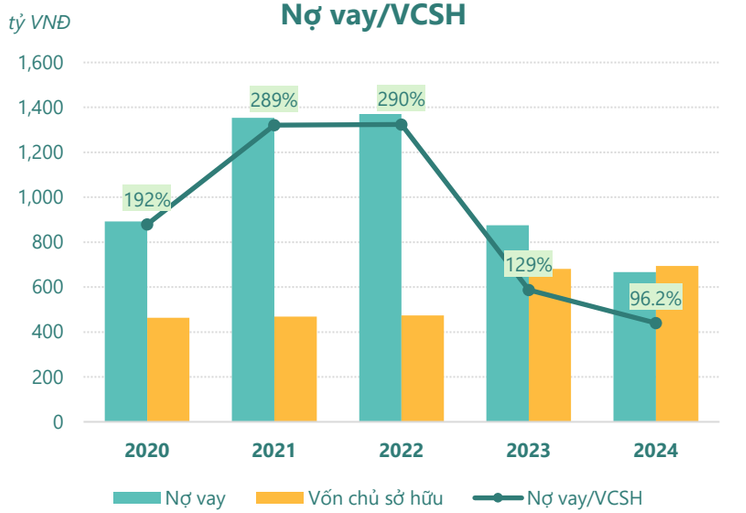
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

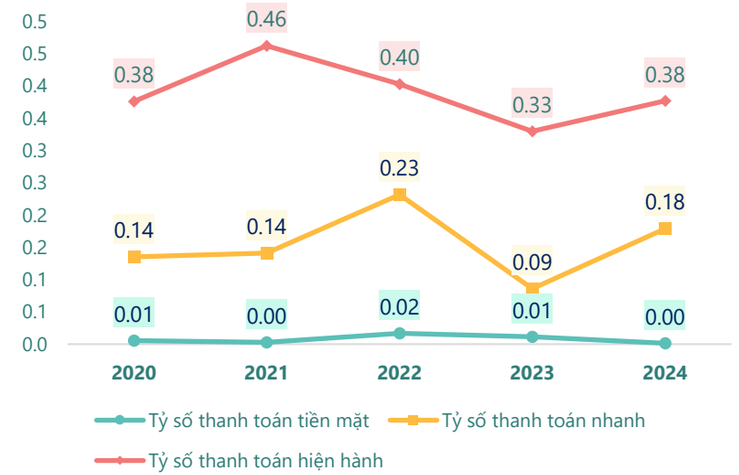
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



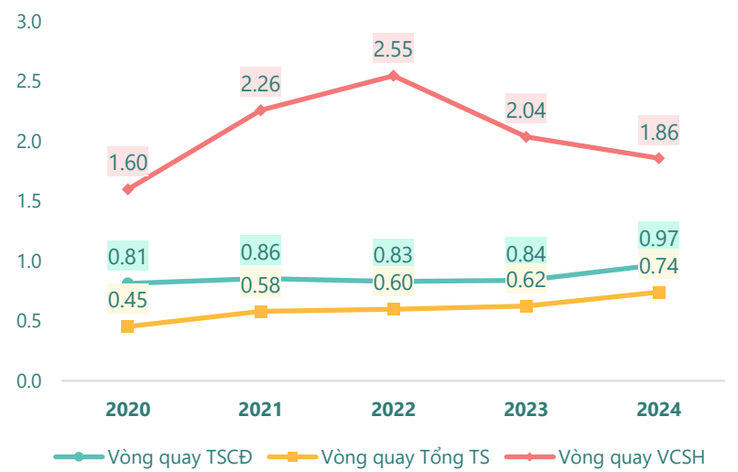
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



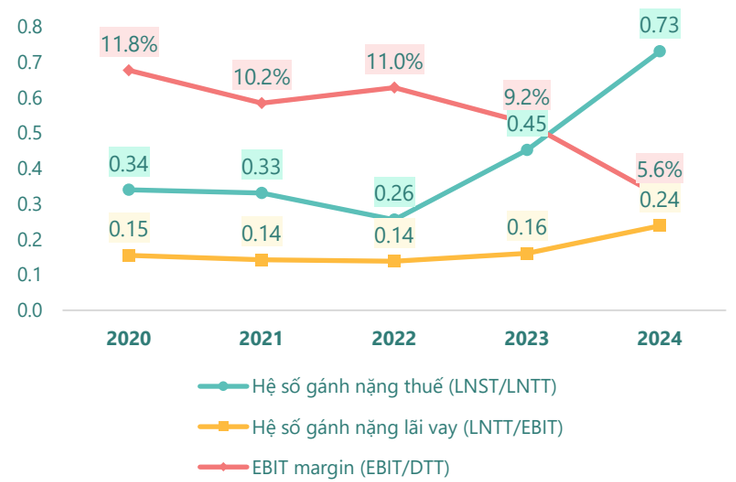
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



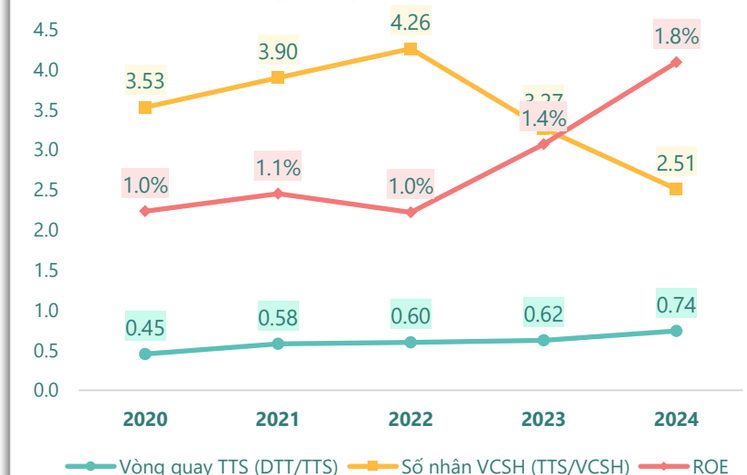
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



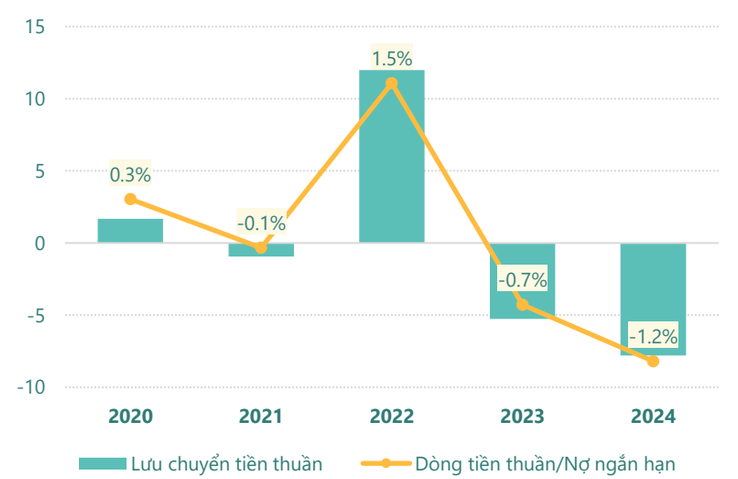
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**275**	**313**	**-12.2%**	**811**	**903**	**-10.1%**
Giá vốn hàng bán	246	282	-12.8%	732	812	-9.9%
Lợi nhuận gộp	28.7	30.4	-5.6%	79.5	90.4	-12.0%
Doanh thu HĐTC	0.20	0.00		0.22	0.03	572%
Chi phí TC	10.7	12.3	-12.9%	31.9	46.5	-31.3%
Chi phí lãi vay	10.7	12.3	-12.9%	30.9	45.1	-31.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.21	2.27	-2.5%	6.46	6.18	4.6%
Chi phí QLDN	**9.21**	**8.81**	**4.6%**	**26.8**	**26.8**	**0.2%**
LN thuần từ HĐKD	6.76	7.07	-4.4%	14.5	11.0	31.8%
Lợi nhuận khác	**-0.14**	**-0.58**	**76.3%**	**-2.75**	**-1.03**	**-166%**
LN trước thuế	6.62	6.49	2.1%	11.8	10.0	17.9%
Lợi nhuận sau thuế	**6.25**	**5.19**	**20.5%**	**8.49**	**7.75**	**9.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**6.25**	**5.19**	**20.5%**	**8.49**	**7.75**	**9.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.7	13.0	157	-83.3	4.25	-34.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.87	2.87	0	10.3	-15.9	15.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.1	-14.0	-159	73.1	11.7	21.0
Tiền đầu kỳ	1.90	0.68	2.57	0.85	1.02	1.04
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.22**	**1.89**	**-1.72**	**0.17**	**0.03**	**2.25**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.68	2.57	0.85	1.02	1.04	3.30

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,684**	**1,657**	**1.6%**
Tài sản ngắn hạn	347	236	47.4%
Tiền và tương đương tiền	3.30	0.85	287%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	28.0	0	
Phải thu ngắn hạn	148	110	33.7%
Hàng tồn kho	166	124	34.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.47	0.60	310%
Tài sản dài hạn	**1,337**	**1,421**	**-6.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,201	1,267	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**135**	**154**	**-11.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	982	963	1.9%
Nợ ngắn hạn	**664**	**625**	**6.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	495	383	29.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	143	218	-34.3%
Nợ dài hạn	317	338	-6.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	278	284	-2.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**702**	**694**	**1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**702**	**694**	**1.2%**
Vốn điều lệ	578	578	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)